



® CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Sea & Air Freight International

SAFI

www.safi.com.vn

39 Đoàn Như Hải, Quận 4, TPHCM

MST : 0301471330

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Công ty mẹ)

(Dạng đầy đủ)

Quý : 01/2011

Đơn vị tính : Đồng

1	Mã số	TM	QUÝ 01		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
2	3		4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	31,264,513,688	25,784,931,150	31,264,513,688	25,784,931,150
Trong đó: Doanh thu hàng XK	02				-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		31,264,513,688	25,784,931,150	31,264,513,688	25,784,931,150
4. Giá vốn hàng bán	11	14	24,363,898,859	22,789,598,024	24,363,898,859	22,789,598,024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6,900,614,829	2,995,333,126	6,900,614,829	2,995,333,126
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	941,654,126	443,253,836	941,654,126	443,253,836
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí hàng bán	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,714,557,988	1,257,155,191	1,714,557,988	1,257,155,191
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		6,127,710,967	2,181,431,771	6,127,710,967	2,181,431,771
11. Thu nhập khác	31	16	-	-	-	-
12. Chi phí khác	32	17	-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	60		6,127,710,967	2,181,431,771	6,127,710,967	2,181,431,771
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		1,531,927,742	545,357,943	1,531,927,742	545,357,943
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62				-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (700=60-61-62)	70		4,595,783,225	1,636,073,828	4,595,783,225	1,636,073,828
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80					

Kế toán trưởng

Võ Thị Phương Lan

TP.HCM, ngày 25 tháng 04 năm 2011

Tổng Giám đốc



Trần Nguyên Hùng